

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-SCT ngày 03/4/2026 của Sở Công Thương)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp NS phí, lệ phí, khác</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, khác</b>	<b>898.602.115</b>	<b>898.602.115</b>		
1	Lệ phí	<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>0</b>	
	<i>Lệ phí cấp Giấy phép văn phòng đại diện</i>	3.000.000	3.000.000	0	
2	Phí	<b>891.690.875</b>	<b>891.690.875</b>	<b>0</b>	
	<i>Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng (cấp giấy phép KD xăng dầu, LPG, bán buôn, rượu, thuốc lá, an toàn thực phẩm, hoạt động điện lực, thiết kế cơ sở, báo cáo kỹ thuật, bản vẽ thi công...)</i>	754.340.875	754.340.875	0	
	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</i>	134.950.000	134.950.000	0	
	<i>Phí TĐ cấp GCN KD, SX hóa chất</i>	2.400.000	2.400.000	0	
3	Điện năng lượng mặt trời trên mái nhà	3.911.240	3.911.240	0	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>		0	0	0
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>		0		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0		
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>464.077.971</b>	<b>464.077.971</b>	<b>0</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	464.077.971	464.077.971	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0		
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí, khác nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>209.375.085</b>	<b>209.375.085</b>	<b>0</b>	
1	Lệ phí	3.000.000	3.000.000	0	
	<i>Lệ phí cấp Giấy phép văn phòng đại diện</i>	3.000.000	3.000.000	0	
2	Phí	206.375.085	206.375.085	<b>0</b>	
	<i>Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	192.640.085	192.640.085	0	

	<i>Phí thẩm định cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</i>	13.495.000	13.495.000	0	
	<i>Phí thẩm định cấp phép kinh doanh hóa chất</i>	240.000	240.000	0	
3	Điện năng lương mặt trời trên mái nhà	1.077.536	1.077.536		
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>		0	0	0
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>35.851.884.592</b>	<b>35.851.884.592</b>	0	0
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>35.851.884.592</b>	<b>35.851.884.592</b>	0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.207.000.000	14.207.000.000	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	21.644.884.592	21.644.884.592	0	
<b>2</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	0	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0	0	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	0	0	0	

VP SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN